|  |  |
| --- | --- |
| KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚCSố: /2024/QĐ-KTNN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định danh mục hồ sơ kiểm toán;

chế độ nộp lưu, bảo quản, khai thác và hủy hồ sơ kiểm toán ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 9 năm 2023

của Tổng Kiểm toán nhà nước

*Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

 *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

 *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán;*

 *Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định danh mục hồ sơ kiểm toán; chế độ nộp lưu, bảo quản, khai thác và hủy hồ sơ kiểm toán ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục của Quy định danh mục hồ sơ kiểm toán; chế độ nộp lưu, bảo quản, khai thác và hủy hồ sơ kiểm toán ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước

1. Sửa đổi, bổ sung một số tiết, điểm, khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 1 như sau:

“a) Công văn và đề cương khảo sát thu thập thông tin để lập KHKT gửi đơn vị được khảo sát;

c1) Các hồ sơ, tài liệu có liên quan đối với hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin lập KHKT tổng quát (*nếu có*);”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Các văn bản, tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, chấn chỉnh, chỉ đạo, điều hành trong quá trình kiểm toán (*nếu có*), gồm: Văn bản chỉ đạo hoạt động kiểm toán của các cấp đối với Đoàn kiểm toán; văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Đoàn kiểm toán đối với Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán; các tài liệu liên quan đến việc kiểm tra, chấn chỉnh trong hoạt động của Đoàn kiểm toán của Trưởng đoàn kiểm toán, Kiểm toán trưởng, Lãnh đạo Kiểm toán nhà nước được giao phụ trách và Tổng Kiểm toán nhà nước; tài liệu khác có liên quan.”.

c) Sửa đổi, bổ sung tiết b và tiết đ điểm 11.1 khoản 11 như sau:

“b) Báo cáo kết quả kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán trưởng;

đ) Văn bản tiếp thu, giải trình của Đoàn kiểm toán *(Báo cáo tiếp thu và giải trình đối với các nội dung trong báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Báo cáo kiểm toán của Tổ thẩm định, báo cáo kết quả kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán trưởng; ý kiến kết luận của người chủ trì xét duyệt dự thảo Báo cáo kiểm toán…)*;”.

d) Sửa đổi, bổ sung tiết c điểm 11.2 khoản 11 như sau:

“c) Báo cáo kết quả giám sát hoạt động kiểm toán, thẩm định báo cáo kiểm toán hoặc Báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán trực tiếp của Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán;”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 19 như sau:

“19. Báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán giai đoạn phát hành báo cáo kiểm toán; thông báo kết quả kiểm toán; thông báo kết luận kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán trưởng.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 21 như sau:

“21. Tờ trình của Trưởng Đoàn kiểm toán về việc đề nghị phát hành Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị kiểm toán chi tiết.”.

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 24 như sau:

“24. Các biên bản, báo cáo kiểm tra, thanh tra, kết quả kiểm soát (*ngoài tài liệu tại điểm d khoản 1 Điều này, như: Báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán đột xuất, báo cáo kết quả kiểm soát hồ sơ kiểm toán sau khi phát hành báo cáo kiểm toán, ...)* của các Đoàn kiểm tra, thanh tra, kiểm soát và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc kiểm toán *(nếu có)*.”.

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 28 và bổ sung khoản 28a vào sau khoản 28 như sau:

“28. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan đối với hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện trong quá trình kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước (*nếu có*) *(ngoài các tài liệu tại điểm a khoản 1 Điều này)*.

28a. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh, thay đổi nhân sự của Đoàn kiểm toán do không đảm bảo tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và các quy định khác của Kiểm toán nhà nước (*nếu có*).”.

i) Sửa đổi, bổ sung khoản 29 và bổ sung khoản 29a vào sau khoản 29 như sau:

“29. Kết quả chấm điểm và xếp loại Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán.

29a. Báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán việc phân loại, sắp xếp và lưu trữ hồ sơ kiểm toán của Kiểm toán trưởng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2 khoản 5; sửa đổi khoản 9; sửa đổi, bổ sung khoản 20, khoản 21 và khoản 23 của Điều 5 như sau:

a) “- Khi Kiểm toán nhà nước thực hiện chữ ký số và số hóa hồ sơ tài liệu thì Tổ trưởng và KTVNN ký chữ ký số và không cần in nhật ký; Nhật ký kiểm toán sẽ lưu trữ trên phần mềm *(Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu về nhật ký kiểm toán điện tử theo quy định của Kiểm toán nhà nước).*”.

b) “9. Bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu, thông tin trình bày tại Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán và các phát hiện, sai sót, tồn tại, kết luận, kiến nghị kiểm toán.”.

c) “20. Tờ trình của Tổ trưởng Tổ kiểm toán về việc xin phát hành Thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết.”.

d) “21. Thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết; Thông báo kết luận, kiến nghị kiểm toán qua kiểm toán, đối chiếu cho các bên liên quan (*nếu có*).”.

đ) “23. Các hồ sơ, tài liệu của Tổ kiểm toán có liên quan đối với hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện trong quá trình kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước *(nếu có).*”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4, khoản 6 và khoản 8 của Điều 6 như sau:

a) “2. Kế hoạch kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; Kế hoạch kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán điều chỉnh, bổ sung (*nếu có*).”.

b) “4. Quyết định kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; Quyết định kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán điều chỉnh, bổ sung (*nếu có*).”.

c) “6. Biên bản họp của Đoàn kiểm tra, Tổ kiểm tra (*nếu có*).”.

d) “8. Quyết định thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kiểm tra của Kiểm toán trưởng; Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định; Báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm tra, thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán trưởng; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Trưởng Đoàn kiểm tra; Biên bản họp thẩm định dự thảo Báo cáo kiểm tra của Kiểm toán trưởng (*nếu có*).”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 của Điều 8 như sau:

“3. Phiếu trao đổi, Biên bản làm việc, Báo cáo kết quả của Tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán, Báo cáo kiểm soát tháng, các báo cáo kiểm soát khác và các tài liệu, giấy tờ liên quan đến hồ sơ kiểm soát chất lượng kiểm toán (*ngoài các tài liệu tại điểm 2.1 khoản 2 và điểm 11.1 khoản 11 Điều 4, khoản 8 Điều 6 Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN và điểm i khoản 1 Điều này*).

4. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và các tài liệu kiểm tra hoạt động kiểm toán của Kiểm toán trưởng (*nếu có*) (*ngoài các tài liệu tại điểm b, khoản 1 Điều này*).”.

5. Sửa đổi khoản 10 Điều 10 như sau:

“10. Lập mục lục hồ sơ kiểm toán đưa vào lưu trữ phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý *(theo trình tự thời gian và diễn biến công việc)*, bao gồm ghi tên tài liệu thuộc danh mục hồ sơ, trích yếu nội dung, thời gian của văn bản, tài liệu, thứ tự, số trang của văn bản, tài liệu được sắp xếp trong hồ sơ *(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*”.

6. Bãi bỏ Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN.

7. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN như sau:

a) Sửa đổi “Phụ lục II” thành “Phụ lục I”.

b) Sửa đổi, bổ sung Danh mục hồ sơ kiểm toán của Đoàn kiểm toán (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Các nội dung khác của Quy định danh mục hồ sơ kiểm toán; chế độ nộp lưu, bảo quản, khai thác và hủy hồ sơ kiểm toán ban hành kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-KTNN ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước giữ nguyên hiệu lực thi hành.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, các Đoàn Kiểm toán nhà nước, các thành viên của Đoàn Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội;- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;- Văn phòng Chính phủ;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Viện KSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);- Công báo;- Lãnh đạo KTNN; các đơn vị trực thuộc KTNN;- Lưu: VT, Vụ Chế độ và KSCLKT (02). |  TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚCNgô Văn Tuấn  |